

PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG

GIAI ĐOẠN 2021-2025

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG
HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN



THANH CHƯƠNG 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1: NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG XÂY DỰNG KHQLR.....	2
1. Những căn cứ pháp lý:.....	2
1.1 Chính sách và pháp luật của Việt nam	2
1.2 Các chính sách của tỉnh và huyện.	2
1.3 Cam kết quốc tế.....	3
2. Tài liệu sử dụng để xây dựng PA-QLR	3
PHẦN 2: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN – XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ QUY MÔ NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG.....	4
2.1. Đặc điểm tự nhiên.....	4
2.1.1. Vị trí địa lý	4
2.1.2. Địa hình:	4
2.1.3. Khí hậu	4
2.1.4. Thủy văn.....	5
2.1.5. Địa chất và thổ nhưỡng	5
2.2. Đặc điểm kinh tế xã hội.....	5
2.2.1. Dân số, dân tộc, lao động	5
2.2.2. Sản xuất nông nghiệp	5
2.2.3. Sản xuất lâm nghiệp	6
2.2.4. Dịch vụ, thương mại và du lịch.....	6
2.2.5. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.....	6
2.2.6. Thực trạng y tế, giáo dục.....	7
2.2.7. Tỷ lệ hộ giàu nghèo	7
2.2.8. Tình hình định canh, định cư.....	7
2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng của Nhóm hộ.....	7
2.2.1 Tiềm năng rừng trồng Keo tham gia CCR trên địa bàn huyện	7
2.2.2 Diện tích Nhóm hộ đăng ký phân theo các phân nhóm (xã/RPH).....	8
2.2.3 Hiện trạng nguồn nước trong diện tích rừng trồng theo nhóm hộ	9
2.3. Quy mô nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương	9
2.3.1. Mục đích thành lập Nhóm hộ CCR huyện	9
2.3.2 Cơ cấu tổ chức Nhóm hộ CCR.....	10
PHẦN 3: MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG KEO CỦA NHÓM HỘ CCR HUYỆN THANH CHƯƠNG	13
3.1. Mục tiêu quản lý:.....	13

3.1.1. Mục tiêu chung.....	13
3.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	13
3.1.3. Thời gian thực hiện kế hoạch.....	14
3.2. Kế hoạch quản lý rừng Keo theo hướng bền vững.....	14
3.2.1. Trồng rừng.....	14
3.2.2. Khai thác.....	16
3.2.3. Chăm sóc và bảo vệ.....	19
3.2.4. Hành lang ven suối.....	20
3.2.5. Kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường.....	21
3.2.6. Kế hoạch giảm thiểu tác động xã hội.....	23
3.2.7. Kế hoạch giảm thiểu tác động thiên tai tới cơ sở hạ tầng và tài nguyên.....	25
3.2.8. Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị và ATLD.....	25
3.2.9. Kế hoạch tập huấn, tuyên truyền, vận động.....	26
3.2.10. Điều chỉnh, cập nhật kế hoạch QLRBV:.....	27
3.2.11. Dự kiến hiệu quả trồng rừng Keo.....	27
PHẦN 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	30
4.1. Phân công trách nhiệm.....	30
4.2. Kế hoạch kiểm tra, giám sát.....	30
PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	31
5.1. Kết luận.....	32
5.2. Khuyến nghị.....	32

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thống kê diện tích FSC của các thành viên BD	11
Bảng 2. Kế hoạch trồng rừng dự kiến từ 2021-2025.....	18
Bảng 3. Kế hoạch khai thác và sản lượng ước tính toàn bộ nhóm.....	19
Bảng 4. Kế hoạch khai thác và sản lượng ước tính từng phân nhóm	20
Bảng 5. Chi phí giảm thiểu tác động môi trường.....	26
Bảng 6. Chi phí giảm thiểu tác động xã hội.....	28
Bảng 7. Kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị.....	29
Bảng 8. Các nội dung tập huấn hàng năm.....	31
Bảng 9. Chi phí và lợi nhuận trên một hecta rừng chu kỳ 5 năm	32
Bảng 10. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản của việc trồng rừng Keo lai chu kỳ 5 năm	33
Bảng 11. Kế hoạch giám sát hàng năm	35



MỞ ĐẦU

Nhóm hộ chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương (*sau đây gọi tắt là TC-FCG*) được hình thành theo Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của UBND huyện Thanh Chương, về việc thành lập Ban Đại diện nhóm hộ xin cấp chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương. Mục đích chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về trách nhiệm, quyền lợi về QLRBV và cấp chứng chỉ rừng, phối hợp với các tổ chức có liên quan trong quá trình đánh giá thực hiện việc cấp chứng chỉ rừng FSC đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

Triển khai thực hiện quyết định nói trên, Nhóm hộ Chứng chỉ rừng (CCR) huyện Thanh Chương đã được thành lập. Năm 2021, Nhóm CCR huyện Thanh Chương bao gồm 03 phân nhóm ở các xã Thanh Hương, xã Thanh Thủy, và BQL RPH huyện Thanh Chương với 615 hộ gia đình tự nguyện viết đơn đăng ký tham gia, với tổng diện tích rừng Keo xin cấp chứng chỉ là 3.763,37 ha. Năm 2022, Nhóm CCR huyện Thanh Chương mở rộng tại các xã Thanh Tùng, Thanh Lâm, Thanh Mai, Thanh Hà và một số hộ tại 03 phân nhóm cũ Thanh Hương, Thanh Thủy và BQL RPH Thanh Chương. Diện tích mở rộng năm 2022 là 2.504,85 ha với 994 hộ. Diện tích đăng ký tham gia CCR chủ yếu là rừng trồng Keo của các hộ gia đình hoặc các hộ nhận khoán rừng trồng của BQLRPH Thanh Chương. Như vậy tính đến năm 2022, Tổng diện tích đăng ký tham gia nhóm CCR huyện Thanh Chương là 6.268,2 ha, với tổng số hộ thành viên là 1.609 hộ.

Đề tiên tới được cấp chứng chỉ rừng một trong những công việc đầu tiên cần tiến hành là xây dựng Phương án quản lý rừng đối với diện tích 6.268,2 ha đất của nhóm hộ nhằm quản lý rừng theo một định hướng có căn cứ khoa học và thực tiễn bảo đảm quản lý rừng đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; và các quy hoạch, kế hoạch phát triển lâm nghiệp, kinh tế - xã hội khác tại địa phương.



PHẦN 1: NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLR BỀN VỮNG

1. Những căn cứ pháp lý:

1.1 Chính sách và pháp luật của Việt nam

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15/11/2017;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008, ngày 13/11/2008;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, ngày 23/06/2014;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thực hiện Luật Lâm nghiệp 2017;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Thông tư số 28/2018/BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;
- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

1.2 Các chính sách của tỉnh và huyện.

- Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Quyết định về việc phê duyệt “Chương trình phát triển giống cây lâm nghiệp tỉnh Nghệ An đến năm 2020”
- Quyết định 1905/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND huyện Thanh Chương về thành lập Ban Đại diện cấp chứng chỉ rừng FSC/FM cho các nhóm hộ trên địa bàn huyện Thanh Chương;



- Quyết định 16/2018/QĐ-UBND quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở và đất vườn, ao gắn liền với đất ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An
- Quyết định ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017/của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.3 Cam kết quốc tế

- Công ước về Đa dạng sinh học năm 1992 (UN CBD) bao gồm các chương trình hành động về đa dạng sinh học rừng;
- Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UN FCCC) trong đó nêu rõ thỏa thuận Cancun và chính sách bảo đảm của REDD;
- Công ước Liên Hiệp Quốc chống sa mạc hóa và hạn hán (UN CCD) trong đó thể hiện nhu cầu của các bên tham gia công ước trong việc đảm bảo quản lý rừng bền vững, trồng rừng, tái trồng rừng và bảo tồn đất;
- Thỏa thuận gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTA) trong đó kêu gọi các bên tham gia công ước thúc đẩy quản lý bảo vệ các khu rừng sản xuất gỗ nhiệt đới;
- Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP),
- Chương trình tài trợ các dự án nhỏ tại Việt Nam (GEF SGP) Dự án 661; 147 và GRET; mục tiêu là phát triển toàn diện ngành hàng Tre
- Công ước Cites, Công ước về tuổi người lao động, Công ước về An toàn Vệ sinh lao động....

2. Tài liệu sử dụng để xây dựng PA-QLR

- Bộ tiêu chuẩn Quản lý Rừng FSC Việt Nam FSC-STD-VN-01-2018 (Phụ lục C: Các nội dung chính trong Kế hoạch QLR)
- Báo cáo đánh giá Tác động Môi trường, Nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương 2022
- Báo cáo đánh giá Tác động Xã hội, Nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương 2022
- Báo cáo đánh giá Rừng có giá trị bảo tồn (HCV), Nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương 2022
- Báo cáo Đánh giá trữ lượng rừng trồng, Nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương 2022
- Sổ tay Quản lý Nhóm hộ Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, 2022.



PHẦN 2: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN – XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ QUY MÔ NHÓM HỘ CHỨNG CHỈ RỪNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Thanh Chương là huyện miền núi nằm phía Tây Nam tỉnh Nghệ An, có tọa độ địa lý:

- Từ 18° 34'30" đến 18° 55'00" vĩ độ Bắc
 - Từ 105°34'00" đến 105° 55'00" kinh độ Đông.
 - Phạm vi ranh giới hành chính:
 - + Phía Bắc giáp huyện Đô Lương và huyện Anh Sơn.
 - + Phía Nam giáp tỉnh Hà Tĩnh và nước CHDCND Lào.
 - + Phía Đông giáp huyện Nam Đàn.
 - + Phía Tây giáp huyện Anh Sơn.
- Huyện lỵ cách thành phố Vinh 50km.

2.1.2. Địa hình:

Thanh Chương nằm ở 2 hai phía Hữu ngạn và Tả ngạn sông Lam.

- Phía Hữu ngạn sông Lam được bao bọc bởi mái dốc chính Đông Trường Sơn kéo dài từ giáp huyện Anh Sơn về đến cửa khẩu Thanh Thủy dài hơn 60 km. Địa hình cao dần về phía Tây Bắc, thấp dần về phía Tây Nam. Đỉnh cao nhất của dãy trường sơn là Cao Vều 1.202m, đỉnh thấp nhất cao 40 m, độ cao trung bình là 600m.

- Phía Tả ngạn sông Lam, được hình thành bởi hệ thống dốc kéo dài của núi Đại Huệ, một hệ thống đồi bát úp, địa hình khá rõ ràng.

Nhìn chung địa hình Thanh Chương cao dốc, hiểm trở có nhiều đỉnh núi cao như: Vũ Trụ cao 1.631m; Núi Truyền 1.017m, Lác Nưa 820m ; Ba Dong 668m... Độ dốc bình quân 25°, địa hình thấp dần về phía Tây Nam. Lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương nằm trên 8 xã thuộc khu vực hữu ngạn địa hình tập trung chủ yếu là rừng núi địa hình phức tạp.

2.1.3. Khí hậu

Chịu ảnh hưởng chung của vùng nhiệt đới nóng ẩm gió mùa. Mùa hè do ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam nắng nóng, nhiệt độ cao, mùa Đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc thời tiết giá lạnh và có sương muối. Các số liệu quan trắc của Đài khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ cho thấy:

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm từ 2.000mm đến 2.200mm, tập trung chủ yếu từ tháng 7 đến tháng 10 hàng năm.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ bình quân năm 23,5°C, tối cao tuyệt đối 41,°C, tối thấp tuyệt đối 1°C.

- Chế độ gió: Nằm trong vùng ảnh hưởng mạnh của gió Tây Nam (gió Lào) khô nóng, xuất hiện từ tháng 4-8. Mùa đông có gió mùa Đông bắc chịu ảnh hưởng mạnh và mưa phùn thường xuất hiện.



- Độ ẩm không khí bình quân 84%.

2.1.4. Thủy văn

Là huyện nằm trong lưu vực Sông Lam và sông Giăng với chiều dài 105km. Đặc điểm sông suối ngắn, dốc, nhiều ghềnh thác và đá nổi. Do chất lượng rừng bị suy giảm, nên khả năng điều tiết nước của sông suối hạn chế, lưu lượng không ổn định, dễ lũ lụt về mùa mưa và cạn kiệt về mùa khô.

- Lưu vực sông Giăng nhìn tổng thể là những mái dốc cao dốc ôm lấy sông Giăng thuận lợi cho việc giao lưu đi lại và sản xuất lâm nghiệp.

- Lưu vực sông Lam cho nhiều bãi bồi ven sông thuận lợi cho việc sản xuất nông, lâm nghiệp và vận chuyển hàng hóa, nông, lâm sản.

- Mùa mưa thường tập trung từ tháng 6 đến tháng 11, chiếm 60-70% lượng mưa năm. Tháng 9 có lượng mưa lớn nhất, chiếm 20- 28% lượng mưa cả năm. Mùa kiệt từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau, vào mùa kiệt mực nước sông xuống thấp, có khi thấp hơn mực nước đồng ruộng từ 3- 5 m.

Vì vậy việc xây dựng Phương án QL RBV giai đoạn năm 2020- 2030 trở nên rất cấp thiết, nhằm nâng cao khả năng phòng hộ, chống xói mòn, điều tiết dòng chảy, bảo vệ đất và nước cho các hồ đập thủy lợi, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

2.1.5. Địa chất và thổ nhưỡng

Kết quả khảo sát cho thấy trong huyện tồn tại 4 loại đá mẹ chính: Granit, Sa thạch, Phiến thạch và Hồn hợp. Các loại nhóm đất chính, gồm:

- Nhóm đất Feralit mùn (>700m) diện tích 31.198 ha, chiếm 31,2% diện tích tự nhiên;

- Nhóm đất Feralit vùng núi thấp (<700m) diện tích 55.117 ha, chiếm 48,8% diện tích tự nhiên;

- Nhóm đất thủy thành (đồng bằng, đất bồi tích ven sông) diện tích 22.515 ha, chiếm 20,0% diện tích tự nhiên.

2.2. Đặc điểm kinh tế xã hội

2.2.1. Dân số, dân tộc, lao động

Đa số người sinh sống ở huyện Thanh Chương là người Kinh, một số rất ít người dân tộc như Thái, Mông, Đan Lai. Tổng dân số của huyện vào khoảng 252.459 người.

Về hành chính: Có 40 đơn vị hành chính trực thuộc (1 thị trấn và 39 xã)

2.2.2. Sản xuất nông nghiệp

- Trồng trọt: Đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu lương thực cho cuộc sống hàng ngày. Cây trồng trên đất nông nghiệp chủ yếu là cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn...), ngoài ra còn có một số cây công nghiệp ngắn ngày (Đậu tương, Lạc...), cây công nghiệp dài ngày (Chè, Hồ tiêu...) và các loài cây ăn quả, cây hàng năm khác. Năng suất lúa bình quân đạt 51 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực có hạt 101.365 tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 420 kg/người/năm. Là huyện có dân số cao, đất



nông nghiệp hạn hẹp, trình độ canh tác lạc hậu đã gây sức ép đối với đất đai, tài nguyên rừng.

- Chăn nuôi: Do có lợi thế về đất đai nên chăn nuôi Trâu, Bò phát triển và chiếm ưu thế trong các loại hình chăn nuôi trên địa bàn. Tuy nhiên ngành chăn nuôi của địa phương vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng tự nhiên. Toàn huyện hiện có 27.032 con Trâu, đàn Bò 49.522 con, Lợn 94.429 con và gia cầm 1.116 ngàn con. Hình thức chăn nuôi chủ yếu là thả rông, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, nhất là công tác trồng rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng.

- Thủy sản: Nuôi thủy sản mới phát triển với quy mô nhỏ trong các hộ gia đình. Toàn huyện có 494,1 ha ao, hồ của các hộ gia đình, có 748 ha hồ, đập do nhà nước quản lý có nuôi trồng thủy sản cho sản lượng 1.978 tấn/năm. Do điều kiện địa hình dốc, thường xảy ra lũ, nuôi cá ao gộp nhiều rủi ro nên nhân dân đầu tư thâm canh còn hạn chế.

2.2.3. Sản xuất lâm nghiệp

Những năm trước đây rừng tự nhiên bị khai thác quá mức, khai thác lạm vào vốn rừng, dẫn đến diện tích, chất lượng rừng bị giảm sút. Thực hiện chủ trương của Nhà nước tiến tới đóng cửa rừng tự nhiên. Đối tượng khai thác là các lô rừng trồng nguyên liệu. Nhìn chung công tác kiểm tra giám sát việc khai thác đối với các chủ rừng đã đi vào nề nếp, tuy nhiên tình trạng khai thác và vận chuyển gỗ trái phép vẫn còn xảy ra. Hàng năm trên địa bàn còn khai thác một lượng lớn lâm sản khoảng 20.000 m³ gỗ nguyên liệu; 1,5 ngàn ster củi; 0,5 triệu cây tre nứa; 120 tấn song mây....

- Hiện tại trong huyện có 5 cơ sở chế biến lâm sản (chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân). Ngoài các doanh nghiệp trên còn có rất nhiều cơ sở chế biến lâm sản tồn tại dưới các hình thức tổ hợp, tổ mộc tại gia...

- Sản phẩm chế biến chủ yếu là gỗ xẻ xây dựng cơ bản, ván sàn, đồ mộc gia dụng, đồ mộc mỹ nghệ, mộc truyền thống,... Quy mô nhìn chung còn nhỏ bé, chủng loại sản phẩm đơn điệu, chất lượng sản phẩm chưa cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu nội vùng và trong tỉnh, chưa khai thông được thị trường xuất khẩu.

2.2.4. Dịch vụ, thương mại và du lịch

- Dịch vụ, thương mại trong vùng đang trên đà phát triển, toàn huyện có 35 chợ lớn nhỏ, bình quân cứ gần 1 xã có 1 chợ lớn nhỏ, trao đổi hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân.

- Trong huyện có nhiều tiềm năng du lịch như: Đình Võ Liệt; Đền Bạch Mã; sông Lam; sông Giăng, hồ Sông Rộ, hồ Cầu Cau... đã thu hút được lượng khách du lịch đáng kể từ nhiều nơi khác đến thăm quan thắng cảnh.

2.2.5. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Đây là ngành kinh tế được xác định là mũi nhọn, nhưng thực tế trên địa bàn chưa phát triển mạnh, chủ yếu là các cơ sở nhỏ, sản phẩm phần lớn phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho nhân dân trong vùng. Đan lát truyền thống đã được quan tâm đầu tư phát



triển, nhưng sản xuất ra các mặt hàng chỉ đủ phục vụ tại chỗ, chưa có sản phẩm trở thành hàng hoá và thị trường tiêu thụ.

2.2.6. Thực trạng y tế, giáo dục

Trên địa bàn có 1 trung tâm y tế, 2 phòng khám đa khoa khu vực và 44 trạm y tế xã, cơ quan, xí nghiệp với 345 y, bác sỹ và cán bộ công nhân viên, hệ thống y tế ngày càng được củng cố về cơ sở vật chất và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bước đầu đã phần nào đáp ứng được công tác khám chữa bệnh tại chỗ cho người dân. Bên cạnh đó chất lượng khám và chữa bệnh còn nhiều vấn đề bất cập. Các tệ nạn xã hội, các dịch bệnh chưa được đẩy lùi.

Trên địa bàn huyện có 54.000 em học sinh và có 3.006 giáo viên, cán bộ quản lý của tất cả các cấp; 1.607 phòng học; 42 trường mầm non với 9.024 học sinh; 44 trường tiểu học với 17.830 học sinh; 42 trường trung học cơ sở với 22.280 học sinh; 8 trường trung học phổ thông với 13.890 học sinh. Tỷ lệ học sinh đến trường, tốt nghiệp đạt tỷ lệ 96,7%.

Trình độ dân trí trong vùng đang còn thấp với hơn 2% dân số mù chữ (chủ yếu là dân ở khu tái định cư thủy điện Bản Vẽ). Đây là nhân tố bất lợi trong công tác tuyên truyền, phổ biến các điều luật về công tác quản lý bảo vệ rừng và tầm quan trọng của rừng ảnh hưởng đến đời sống người dân trong vùng nói riêng và toàn xã hội nói chung.

2.2.7. Tỷ lệ hộ giàu nghèo

Trong nhiều năm qua Thanh Chương đã có các chương trình, đề án nhằm phát triển kinh tế, ổn định đời sống trong huyện nên tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 22,0% (11.437 hộ); số hộ trung bình chiếm 75,3% (39.146 hộ); số hộ khá và giàu chiếm 2,0% (1.403 hộ).

2.2.8. Tình hình định canh, định cư

Sự phân bố dân cư của huyện hoàn toàn mang đặc thù nông thôn miền núi. Trong công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới, nhân dân toàn huyện đã nhiệt tình hưởng ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các cuộc vận động định canh, định cư, xoá đói, giảm nghèo, kế hoạch hoá gia đình, phong trào xây dựng nông thôn mới và áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông lâm nghiệp. Trên địa bàn có khu tái định cư Thủy điện Bản Vẽ được xây dựng trên 4 xã với cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển đồng bộ, nhân dân ở đây an tâm xây dựng trên quê hương mới.

2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng của Nhóm hộ

2.2.1 Tiềm năng rừng trồng Keo tham gia CCR trên địa bàn huyện

Tổng diện tích rừng trồng của huyện Thanh Chương là 23.000 ha. Năm 2022 nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương đưa tổng 6.268,2 ha trên địa bàn 5 xã Thanh Hương, Thanh Thủy, Thanh Tùng, Thanh Lâm, Thanh Hà, Thanh Mai và diện tích rừng giao khoán của ban QLRRP Thanh Chương vào đánh giá cấp chứng chỉ rừng



FSC, do vậy diện tích rừng chưa tham gia FSC còn rất nhiều. Diện tích tiềm năng để mở rộng nhóm còn rất lớn.

Ngoài ra, sự ủng hộ của chính quyền xã/ huyện và tỉnh nhằm nâng cao giá trị rừng trồng keo, cung cấp ổn định nguồn gỗ có chứng chỉ cho nhà máy trên địa bàn huyện (Công ty CP CP BVN Thanh Chương, đóng tại xóm 6, xã Thanh Hương) và các đơn vị kinh doanh khác chính là cơ sở để gia tăng diện tích rừng tham gia nhóm CCR huyện Thanh Chương trong những năm tiếp theo

2.2.2 Diện tích Nhóm hộ đăng ký phân theo các phân nhóm (xã/RPH) năm 2021

Bảng 1. Thống kê diện tích FSC nhóm CCR huyện Thanh Chương

Địa điểm	Số Hộ	Diện tích (ha)	Số Lô
BQLRPH	184	1384,65	306
Đội 6	35	187,26	55
Khe Máng	35	314,93	69
Khe Tròn	34	258,51	53
Khe Tron	14	164,68	26
Mạn Tác	34	179,13	47
Rại Rại	32	280,14	56
Thanh Hương	227	857,27	335
1	33	64,49	38
2	25	111,63	38
3	31	173,15	63
4	55	172,43	82
5	43	147,9	68
6	40	187,67	46
Thanh Thủy	256	1603,86	407
Thủy Chung	32	223,48	52
Thủy Hòa	81	293,07	119
Thủy Phong	43	373,71	70
Thủy Sơn	100	713,6	166
Thanh Tùng	192	479,336207	225
Xóm 1	31	82,05	38
Xóm 3	9	28,04	12
Xóm 4	104	275,106207	121
Xóm 5	48	94,14	54



Thanh Lâm	327	670,86	517
Xóm 1	45	134,54	92
Xóm 2	26	18,74	33
Xóm 3	35	109,34	64
Xóm 4	85	161,44	124
Xóm 5	71	163,3	115
Xóm 6	65	83,5	89
Thanh Mai	239	771,57	342
Xóm Bắc Trần	19	46,04	24
Xóm Đá Bia	50	273,15	77
Xóm Mai Đình	26	83,83	39
Xóm Mai Trang	68	46,36	80
Xóm Trường Sơn	76	322,19	122
Thanh Hà	184	500,67	275
Xóm 2	27	43,93	34
Xóm 3	76	109,21	108
Xóm 4	21	45,48	31
Xóm 5	60	302,05	102
TỔNG CỘNG	1.609	6.268,0	2.407

2.2.3 Hiện trạng nguồn nước trong diện tích rừng trồng theo nhóm hộ

Hiện tại diện tích hành lang ven suối có trong nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương là 62,5 ha. Trong đó các lô rừng có hành lang ven suối tập trung nhiều tại rừng giao khoán của Ban quản lý RPH Thanh Chương.

Hầu hết diện tích hành lang ven suối đã có trồng keo, do vậy các hoạt động quản lý rừng dễ gây ra tác động tới nguồn nước. Ví dụ: Khai thác toàn diện đối với diện tích sát sông/suối, hoặc vớt cành nhánh cây vào lòng suối (theo báo cáo giám sát của nhóm). Do vậy, để quản lý bảo vệ diện tích rừng hành lang ven suối, ngoài công tác tuyên truyền tới các chủ rừng bảo vệ hành lang, ban đại diện nhóm còn lập kế hoạch trồng bổ sung cây bản địa, tre, luồng, vầu..thích hợp vào các diện tích HLVS này.

2.3. Quy mô nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương

2.3.1. Mục đích thành lập Nhóm hộ CCR huyện

Nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương được thành lập để thực hiện mục tiêu quản lý rừng bền vững, cung cấp ra thị trường một khối lượng gỗ có chứng chỉ rừng FSC, đạt được hiệu quả về kinh tế lâm nghiệp, cải thiện sinh kế, đồng thời duy trì và phát triển các giá trị môi trường, văn hóa-xã hội và kinh tế.



2.3.2 Cơ cấu tổ chức Nhóm hộ CCR

Cơ cấu tổ chức của nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương được chia thành 4 cấp. Trong đó chịu trách nhiệm cao nhất là ban Đại diện nhóm. Ban đại diện nhóm chỉ định Công ty CP BVN Thanh Chương là đại diện Quản lý nhóm (QLN) của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương, thuộc thành viên Ban Đại diện Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương (Hình 1)

Tại 3 phân nhóm xã/BQL RPH cơ cấu tổ chức bao gồm trưởng nhóm xã/trạm, và trưởng nhóm các xóm/Đội.

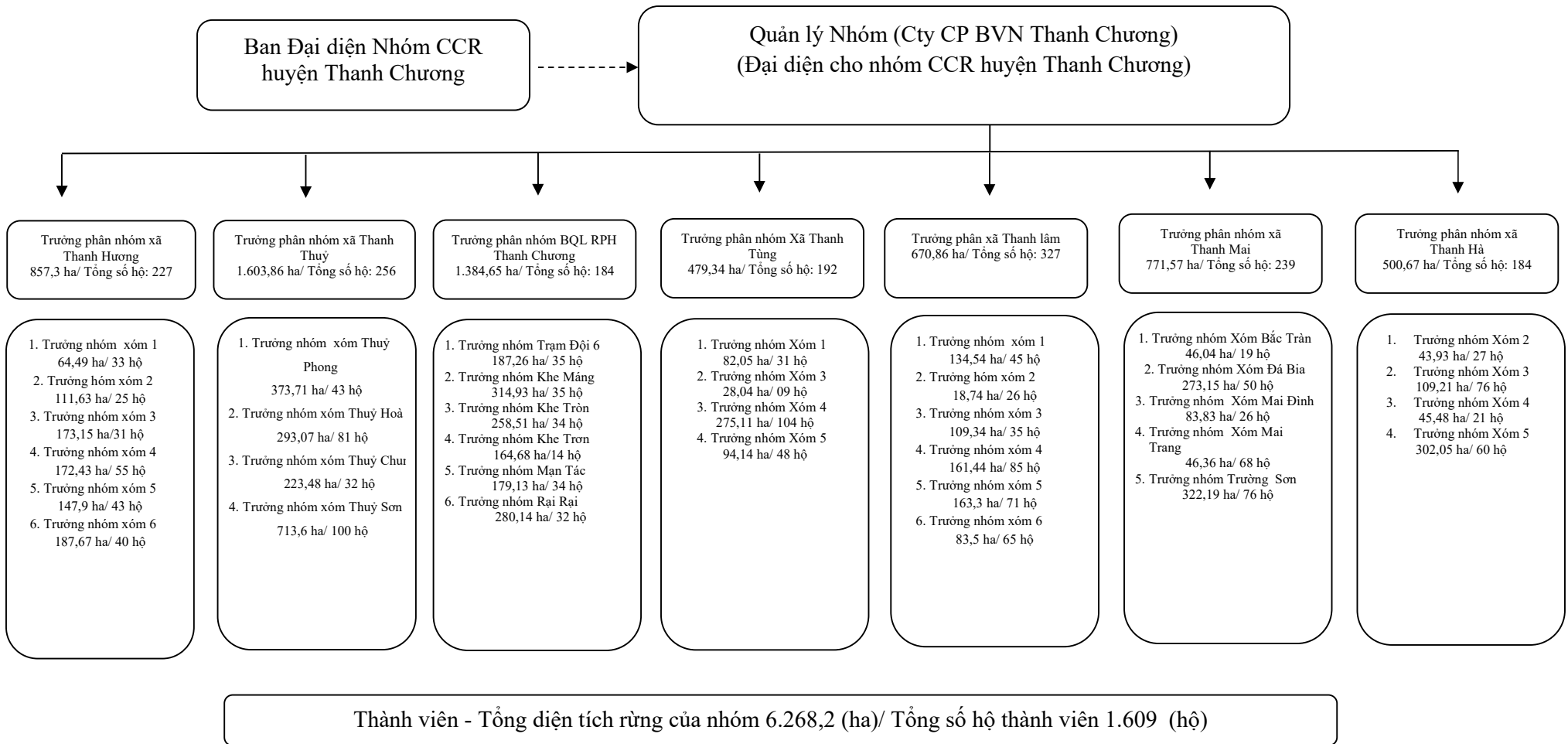
Chủ rừng là các thành viên hạt nhân của nhóm CCR huyện Thanh Chương.

Cấp huyện = Ban Đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương

Cấp xã/BQL RPH = Các xóm tham gia trong một xã (Trưởng nhóm xã)

Cấp xóm Các hộ dân trong thôn liên kết với nhau (Trưởng nhóm xóm)

Chủ rừng = Thành viên nhóm cấp xóm (hộ gia đình)



—————> Chỉ đạo trực tiếp - - - - -> Chỉ đạo gián tiếp

Hình 1. Cơ cấu nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương



2.3.3 Quy mô nhóm hộ và lộ trình mở rộng

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và quy mô của nhà máy sản xuất viên nén BVN Thanh Chương, hiện tại nhóm CCR huyện Thanh Chương xác định quy mô mở rộng nhóm đến 2025 là 17.000 ha và ước tính khoảng 5.000 hộ gia đình thành viên.



PHẦN 3: MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG TRỒNG KEO CỦA NHÓM HỘ CCR HUYỆN THANH CHƯƠNG

3.1. Mục tiêu quản lý:

3.1.1. Mục tiêu chung

- Mục tiêu tổng quát của kế hoạch quản lý rừng bền vững nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương đó là sử dụng rừng có hiệu quả với chi phí và lợi nhuận tối ưu nhất, phù hợp với các định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Đáp ứng đầy đủ 10 nguyên tắc quản lý rừng bền vững FSC về kinh tế-xã hội-môi trường.

- Tổ chức kinh doanh với hiệu quả kinh tế cao, tăng chuỗi giá trị gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC lên cao so với gỗ không có chứng chỉ.

- Áp dụng công nghệ, kỹ thuật mới trong trồng rừng, chăm sóc và khai thác, chế biến gỗ tiên tiến để tận dụng lâm sản với giá thành thấp, chất lượng cao, sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Mục đích xây dựng một quy trình khép kín từ trồng rừng – thực hiện chứng chỉ rừng- và sản xuất, chế biến cho các sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC.

- Tạo nguồn thu nhập ổn định từ trồng rừng, thúc đẩy mối liên kết giữa người trồng rừng và các đơn vị thu mua gỗ có chứng chỉ và đầu ra ổn định cho gỗ có chứng chỉ FSC.

- Bảo vệ môi trường thông qua sự thúc đẩy quản lý rừng bền vững, áp dụng các biện pháp quản lý thân thiện với môi trường, nâng cao nhận thức và tuân thủ các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

3.1.2.1. Về kinh tế

- Tối ưu hóa lợi nhuận từ các sản phẩm gỗ có chứng chỉ, tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu chi phí.

- Kinh doanh hiệu quả và bền vững 6.268,2 ha rừng trồng Keo, bảo đảm năng suất bình quân rừng trồng đạt 100-130 m³/ ha và đầu ra ổn định.

- Việc quản lý bền vững nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương phải trở thành mô hình mẫu trong tỉnh Nghệ An và toàn quốc về quản lý rừng bền vững và hiệu quả kinh tế kinh doanh rừng.

- Cung cấp trung bình 33.000- 150.000 m³ gỗ/ năm làm nguyên liệu cho nhà máy chế biến viên nén năng lượng, nhà máy gỗ xẻ trên địa bàn và toàn quốc.

- Gia tăng giá trị bán ra cho gỗ có chứng chỉ FSC. Xây dựng và duy trì mối liên kết giữa nhóm CCR và các bên có nhu cầu mua gỗ có chứng chỉ FSC (Công ty, nhà máy chế biến,...). Đóng góp vào sự phát triển của kinh tế địa phương



3.1.2.2 Về xã hội

- Nâng cao thu nhập từ rừng, từ đó ổn định đời sống của người dân, ổn định chính trị, xã hội.
- Nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng.
- Phát triển mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương với doanh nghiệp trong kinh doanh rừng, trồng rừng, khai thác, tiêu thụ, chế biến lâm sản.
- Tạo hiệu ứng, khuyến khích cộng đồng địa phương, những hộ chưa tham gia FSC cùng tham gia QL RBV.

3.1.2.3 Về môi trường

- Tổng diện tích rừng được bảo vệ là 6.268,2 ha, chủ yếu là keo lai trồng trên đất rừng sản xuất, không để đất trống đồi núi trọc.
- Bảo vệ và phục hồi môi trường thông qua việc duy trì và nâng cao độ che phủ rừng trên địa bàn, khuyến khích các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường, bảo vệ và tăng độ phì của đất, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thực hiện các hoạt động trồng rừng, khai thác gỗ với kỹ thuật thân thiện với môi trường.
- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, thông qua diện tích bảo vệ hành lang ven suối, bảo vệ và làm giàu vùng rừng đệm ...
- Áp dụng khai thác chọn lọc, khai thác tác động thấp để giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, giảm khả năng mất đất, duy trì dinh dưỡng đất, và tăng năng suất.

3.1.3. Thời gian thực hiện kế hoạch

Phương án quản lý rừng bền vững của nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương được xây dựng cho thời gian từ 2021-2025.

Phương án được lập lần thứ nhất vào năm 2021

Phương án được cập nhật lần thứ nhất vào năm 2022

3.2. Kế hoạch quản lý rừng Keo theo hướng bền vững

3.2.1. Trồng rừng

Khuyến khích trồng rừng lại sau khi khai thác từ 1-3 tháng, không để đất trống quá lâu.

Đối với các vùng khe suối, ao hồ, hay những khu vực sinh cảnh dễ bị tổn thương khi khai thác không được khai thác trắng và cần trồng bổ sung lại sau khi khai thác, đặc biệt cần sử dụng các loài cây lâu năm, cây bản địa phù hợp

Bảng 2. Tổng hợp Diện tích trồng rừng đăng ký của Nhóm

TT	Năm trồng	Diện tích	Năm khai thác
1	2005	2,42	2022
2	2006	0,96	2022



3	2010	4,09	2022
4	2011	0,89	2022
5	2013	2,05	2022
6	2014	23,9	2022
7	2015	185,01	2022
8	2016	512,10	2022
9	2017	958,72	2022
10	2018	1.109,15	2023
11	2019	1.190,90	2024
12	2020	784,99	2025
13	2021	1.011,69	2026
14	2022	481,34	2027

Kỹ thuật trồng keo lai

Phương thức trồng: chủ yếu trồng thuần loài.

Kỹ thuật trồng: trồng bằng cây con có bầu, trồng bằng thủ công; áp dụng biện pháp thâm canh.

Thời vụ trồng: Quanh năm, tuy nhiên tập trung nhiều vào đầu mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau. Kế hoạch trồng được thực hiện ngay sau quá trình khai thác chính.

Xử lý thực bì: phát dọn thực bì toàn diện, theo băng hoặc theo đám. Thực bì xử lý xong được gom theo băng, hạn chế đốt thực bì. Trường hợp đốt thực bì phải đốt theo băng, theo đám và đốt có kiểm soát.

Làm đất:

+ Làm đất toàn diện bằng cơ giới hay thủ công, làm đất cục bộ theo băng hoặc theo đám, có biện pháp hạn chế xói mòn đất đối với dốc dốc trên 25° như làm bậc thang theo đường đồng mức; có thể đào mương, lên líp, san ủi tạo mặt bằng để trồng rừng ở những nơi có điều kiện lập địa đặc biệt;

+ Đào hố kích thước 30 x 30 x 30 cm hay 40 x 40 x 40cm trước khi trồng 10-15 ngày.

Mật độ trồng: Khuyến cáo mật độ Cây keo từ 2.000 -2.500 cây/ ha, Sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín và được phép kinh doanh giống.

+ *Tỉa thân:* Vào năm thứ 1 sau khi trồng

+ *Tỉa cành:* Thực hiện vào năm thứ 2-3 để nâng cao chất lượng gỗ, kết hợp loại bỏ những cây phát triển kém+ *Tỉa thưa* có thể được thực hiện vào năm thứ 4 hoặc 5, tỉa những cây chất lượng xấu và để lại những cây có tiềm năng cung cấp gỗ xẻ vào cuối chu kỳ.

**Bảng 3. Kế hoạch trồng rừng dự kiến từ 2021-2025 (ha)**

Năm trồng	Xã Thanh Thủy	Xã Thanh Hương	BQLRPH Thanh Chương	Xã Thanh Tùng	Xã Thanh Mai	Xã Thanh Hà	Xã Thanh Lâm	Tổng c (ha)
2021	264,81	144,98	320,31	92,96	70,23	66,33	52,07	1.011
2022	565,09	308,44	329,22	112,50	396,62	192,66	266,95	2.171
2023	309,29	173,67	312,63	82,12	47,81	72,49	111,14	1.109
2024	262,5	106,32	286,6	142,05	91,87	99,24	202,32	1.190
2025	202,17	123,86	135,89	49,70	165,04	69,95	38,38	785,

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ hồ sơ phân nhóm CCR cấp xã 2022)

3.2.2. Khai thác

Đảm bảo tỉ lệ khai thác thấp hơn 20% lượng tăng trưởng hàng năm của tổng diện tích rừng của nhóm.

Theo báo cáo điều tra tăng trưởng rừng của nhóm, tại nhóm CCR huyện Thanh Chương trữ lượng trung bình mỗi ha rừng 5-6 năm tuổi là từ **100 - 130 m³/ha** (trong đó, trữ lượng rừng của phân nhóm ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương có kết quả trung bình cao hơn so với 6 phân nhóm xã còn lại).

- Gỗ 5 năm tuổi thường bán đồng giá (không phân biệt gỗ xẻ và gỗ dăm) giá: dao động 800.000-1.000.000 VND/tấn. Hoặc phân loại bán riêng gỗ xẻ (đường kính từ 12-13 cm trở lên tùy nhà thua mua) và gỗ dăm.

- Nhóm CCR huyện Thanh Chương xây dựng kế hoạch khai thác theo chu kỳ 5 năm, với sản lượng từ **100- 130m³/ha** vào cuối chu kỳ khai thác. Do đó, lấy giá trị **115 m³/ha** là sản lượng trung bình vào cuối chu kỳ 5 năm. Hàng năm, nhóm có thể cung cấp từ 33.000 đến 150.000m³ khối gỗ (bao gồm các gỗ xẻ và gỗ dăm) có chứng chỉ FSC.



- Trong bảng 4 và 5 (với trữ lượng trung bình $115\text{m}^3/\text{ha}$ /chu kỳ 05 năm), năm dự kiến khai thác và sản lượng được tính toán căn cứ vào thực tế năm trồng của các lô rừng và kế hoạch quản lý rừng theo lô của các thành viên nhóm.

Bảng 4. Kế hoạch khai thác và sản lượng ước tính toàn bộ nhóm

Năm khai thác	Diện tích (ha)	Sản lượng ước tính (m ³)
2022	2.171,5	304.010,00
2023	1.109,2	155.288,00
2024	1.190,9	166.726,00
2025	785,0	109.900,00
2026	1.011,7	141.638,00

**Bảng 5. Kế hoạch khai thác và sản lượng ước tính từng phân nhóm (m³)**

Năm khai thác	Xã Thanh Thủy	Xã Thanh Hương	BQLRPH Thanh Chương	Xã Thanh Tùng	Xã Thanh Mai	Xã Thanh Hà	Xã Thanh Lâm	Tổng cộng (m ³)	Trữ lượng được phép khai thác (<= 80%)
2022	79.112,6	43.181,6	46.090,8	15.750,0	55.526,8	26.972,4	37.373,0	304.007,2	243.205,8
2023	43.300,6	24.313,8	43.768,2	11.496,8	6.693,4	10.148,6	15.559,6	155.281,0	124.224,8
2024	36.750,0 p	14.884,8	40.124,0	19.887,0	12.861,8	13.893,6	28.324,8	166.726,0	133.380,8
2025	28.303,8	17.340,4	19.024,6	6.958,0	23.105,6	9.793,0	5.373,2	109.898,6	87.918,9
2026	37.073,4	20.297,2	44.843,4	13.014,4	9.832,2	9.286,2	7.289,8	141.636,6	113.309,3

(Nguồn: Theo số liệu điều tra trữ lượng rừng và tổng hợp đăng ký từ các phân nhóm)

Hình thức khai thác:

- Tổ chức tự khai thác hoặc bán rừng cây đứng cho đơn vị thu mua rừng theo các quy định hiện hành.
- Các đơn vị tổ chức khai thác, hay chủ rừng tự tổ chức khai thác đều phải tuân thủ các quy định về khai thác tác động thấp mà nhóm đã hướng dẫn.
 - Nhà thầu khai thác phải được phổ biến về các quy định của FSC, công nhân khai thác phải được tập huấn khai thác tác động thấp, về an toàn lao động trong khai thác; và được trang bị đầy đủ trang thiết bị về an toàn lao động.
 - Ban đại diện nhóm hoặc trưởng các xóm có trách nhiệm tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác sử dụng các biểu mẫu liên quan (xem thêm Sổ tay quản lý nhóm, mục Giám sát).
 - Quá trình khai thác, kinh doanh gỗ FSC phải tuân thủ theo quy trình CoC mà nhóm đã xây dựng.



- Không khai thác diện tích lớn liền kề không vượt quá 15 ha – đối với địa hình có độ dốc lớn và có hành lang ven suối. Những trường hợp kế hoạch khai thác với diện tích liền kề lớn, hoặc có khả năng tác động lớn tới môi trường thì chủ rừng và ban đại diện nhóm cần phối hợp khảo sát đánh giá tác động trước khi tiến hành khai thác.

Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

Do là rừng trồng sản xuất nên các sản phẩm LSNG trong rừng rất ít. Người dân nơi đây tập trung chăm sóc và khai thác cây gỗ là chủ yếu. Việc khai thác, sử dụng nguồn LSNG không diễn ra hoặc diễn ra rất thấp.

Hướng dẫn kỹ thuật khai thác RIL

- Yêu cầu người thi công phải tuân thủ nghiêm các quy định chung về an toàn lao động và quyền lợi của người lao động tránh gây hư hỏng dụng cụ và trang thiết bị thi công trong khi chặt hạ.

- Tránh chặt hạ cây đổ ngang dòng suối, nương rẫy, đường vận xuất, vận chuyển và giảm thiểu hư hại cho các cây bản địa còn lại để tái sinh rừng.

- Áp dụng triệt để các nguyên tắc trong khai thác tác động thấp mà quy trình đã được ban hành: Dựa vào độ dốc, hướng gió, mật độ trồng và độ lệch của tán, vị trí đường nhánh... để chọn hướng đổ hợp lý khi chặt hạ nhằm tránh gây tai nạn lao động, thuận lợi thu gom sản phẩm. Hướng đổ của cây phải thuận lợi cho công việc tiếp theo như cắt khúc, chặt cành ngọn, thao tác bóc vác và vận chuyển từ đường nhánh...

- Tuân thủ các quy định về khai thác của nhà nước, pháp luật.

- Tuân thủ đúng kế hoạch và các biện pháp kỹ thuật khai thác.

- Tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật (Khai thác, trồng rừng).

- Hạn chế và tiến tới không xử lý thực bì toàn diện bằng lửa, không ủi trắng sau khi khai thác.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động trong quá trình khai thác.

- Có ghi chép và triển khai giám sát đánh giá trong suốt quá trình khai thác.

3.2.3. Chăm sóc và bảo vệ

Toàn bộ diện tích rừng của nhóm được đưa vào kế hoạch chăm sóc bảo vệ hàng năm.

Điều kiện khí hậu thời tiết huyện Thanh Chương khá hanh khô vào mùa hè, do vậy, nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng kiểm lâm để thực hiện phòng chống cháy rừng.

Đối với thành viên nhóm, ban đại diện đã tổ chức:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Khuyến cáo nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân hủy.

- Thành viên nhóm cam kết không được đốt xử lý thực bì khi có dự báo cháy rừng



cấp 4 và cấp 5. Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dụng lửa đốt xử lý thực bì vào mùa khô nóng. Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỹ thuật...

- Ngăn chặn và báo cáo kịp thời khi phát hiện nguy cơ phát sinh cháy rừng hoặc hành vi vi phạm về quy định an toàn phòng chống cháy rừng.
- Tham gia các hoạt động phòng chống và chữa cháy khi có yêu cầu của chính quyền.

Quản lý sâu bệnh

- Hiện tượng sâu bệnh trên cây keo hiểm khi xảy ra trên địa bàn của nhóm. Tuy nhiên, nhóm đã xây dựng quy trình quản lý sâu bệnh hại rừng trồng nhằm có phương hướng xử lý phù hợp.
- Ban quản lý nhóm và chủ rừng cần thường xuyên giám sát theo dõi tình hình sâu bệnh hại để kịp thời phát hiện và xử lý.
- Từ khâu trồng rừng cần lựa chọn giống tốt, trồng với mật độ thích hợp để tạo điều kiện cho cây sinh trưởng phát triển tốt, có khả năng kháng bệnh tốt.
- Nếu cần thiết phải xử lý sâu bệnh hại thì ưu tiên các biện pháp không hóa học (vd: cắt bỏ cành bệnh, chặt bỏ cây bệnh, sử dụng các chế phẩm sinh học...). Chỉ sử dụng các loại thuốc hóa học khi cần thiết và phải nằm trong danh mục cho phép của Việt Nam và không thuộc danh mục cấm của FSC.

3.2.4. Hành lang ven suối

Hiện tại có 62,5 ha hành lang ven suối trong diện tích rừng của nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương. Diện tích này có ý nghĩa bảo vệ nguồn nước để phục vụ các hoạt động tưới tiêu hoặc môi trường sống cho các loài bản địa.

Có thể liệt kê ra một số hoạt động lâm nghiệp có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nước như: khai thác trắng vùng đệm ven suối, xáo động đất vùng ven sông suối (sạt lở), hoặc gây ô nhiễm nguồn nước... Do vậy các hoạt động lâm nghiệp cần được quản lý đúng cách để giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường nước.

Tại nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương, phần lớn các hộ dân trồng chè ở khu vực gần suối, sau đó đến khu vực trồng keo liền kề trên cao. Một số hộ không tiến hành trồng rừng sát mép suối mà đã có chừa thảm thực vật tự nhiên ven suối, điều này có ý nghĩa tích cực đối với nguồn nước trong khu vực, giữ dòng chảy ổn định không bị sạt lở gây hiện tượng mở rộng dòng chảy.

Tuy nhiên, ở một số vùng hành lang, người dân trồng xen chè với keo, hoặc trồng keo sát mép suối. Trong những trường hợp này, ban đại diện nhóm khuyến khích các hộ



gia đình trồng rừng phải thay thế hoặc trồng xen bằng các cây bản địa (sao đen, sến...) hoặc các loài cây có tác dụng phòng hộ khác như tre, luồng...

Ngoài ra, thiết kế trồng rừng và thiết kế khai thác rừng hàng năm phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng 2 bên của Hành lang ven suối, tùy vào độ rộng hẹp của lòng suối mà

chiều dài vùng đệm hành lang 2 bên được quy định để quản lý vùng đệm hành lang ven sông suối, hồ, đất ngập nước.

Trong quá trình khai thác

+ Phải dọn tất cả các cây bị đổ xuống lòng sông suối;

+ Trồng cây bổ sung ngay nếu có cây bị gãy, đổ do khai thác, mở đường;

+ Trong trường hợp cây đổ bất ngờ vào dòng sông hoặc suối, thì phải chuyển cây đổ đó đi.

3.2.5. Kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường.

Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp có ảnh hưởng đến môi trường bao gồm hoạt động xử lý thực bì trước trồng rừng, làm đất, trồng cây, chăm sóc, khai thác và vận xuất, vận chuyển...

Xử lý thực bì:

Để hạn chế tác động tiêu cực tới môi trường đất, nhóm CCR huyện Thanh Chương đã khuyến khích các chủ rừng thành viên xử lý thực bì không đốt, hoặc đốt có kiểm soát. Việc để lại cành nhánh và gốc chặt tại rừng sau khai thác là hoạt động có ý nghĩa đến việc bảo vệ môi trường đất. Tầng đất mặt được lớp thảm tươi bao phủ sẽ hạn chế việc xói mòn rửa trôi, đồng thời sẽ hạn chế được sự xuất hiện của các loài cây ưa sáng. Về lâu dài khi các vật liệu này phân huỷ sẽ tăng thêm độ mùn cho tầng đất mặt.

Bên cạnh đó việc người dân để lại gốc cây không tiến hành đào bỏ khi trồng rừng sẽ có tác dụng nhiều mặt. Thứ nhất, không làm phá vỡ kết cấu đất nếu không đào gốc và hạn chế được hiện tượng rửa trôi đất khi mưa xuống. Thứ hai, sau 1 chu kỳ trồng rừng gốc cây để lại sẽ tự phân huỷ và tăng lượng mùn cho đất.

Trồng rừng cần được thực hiện sớm sau khi khai thác, tránh để đất trống khô cần dẫn đến rửa trôi.

Khi trồng cần chọn lọc giống phù hợp với điều kiện thực địa của địa phương, sử dụng nguồn giống có xuất xứ rõ ràng. Trồng mới cần hạn chế sử dụng phân bón hóa học mà sử dụng các loại phân hữu cơ, phân vi sinh.

Chuẩn bị hố trồng: Người dân đào hố trồng rừng theo 02 phương thức là thủ công và phương tiện cơ giới. Kích thước hố thông thường là 40x40x30 cm hoặc 30x30x30 cm.



Với kích thước này, việc đào hố ít ảnh hưởng đến kết cấu đất, hiện tượng rửa trôi ít xảy ra.

Việc đào hố bằng phương tiện cơ giới có một số ưu điểm như sau: Đỡ mất sức lao động; Cành nhánh sau khai thác không ảnh hưởng đến việc mức hố; Gốc chặt sau khai thác không cần đào thủ công, xe mức có thể mức gốc cây sau khai thác nếu cần thiết. Tuy nhiên việc sử dụng phương tiện cơ giới hạng nặng có thể gây nén đất, hoạt sạt lở đất nên tùy theo điều kiện lập địa, chủ rừng xem xét việc sử dụng xe cơ giới đào hố cho phù hợp.

Bón phân: Trong quá trình trồng và chăm sóc rừng có nhiều hộ gia đình đã tiến hành bón lót, bón thúc việc làm này có tác dụng tích cực trước mắt cho cây trồng và về lâu dài đối với tài nguyên đất ở khu vực. Đất sẽ được bổ sung và duy trì dinh dưỡng, ít xảy ra hiện tượng thoái hóa đất khi canh tác với cường độ cao. Tuy nhiên phải đảm bảo rằng thành phần phân bón nằm trong danh lục cho phép của pháp luật Việt nam và tiêu chuẩn FCS, bên cạnh đó nguồn gốc xuất xứ của thuốc phải đảm bảo tính rõ ràng đồng thời tuân thủ các nguyên tắc về sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật. Ban quản lý nhóm khuyến khích chủ rừng hạn chế sử dụng phân bón hóa học NPK và chuyển sang sử dụng phân vi sinh hữu cơ.

Khai thác cần ưu tiên sử dụng đường vận xuất có sẵn, hạn chế mở đường, chỉ mở khi thật sự cần thiết và tránh cắt ngang dòng nước nhiều lần, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến nguồn nước và đất.

Công nhân cưa cây phải áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp để hạn chế tác động tiêu cực.

Ngoài ra, ban quản lý Nhóm đã xây dựng quy trình hướng dẫn **xử lý rác thải**: bao gồm thu gom bao bì, rác thải gồm các chất thải rắn như vỏ túi bầu, bao bì hóa chất, túi ni lon... Các nội dung quan trọng về vệ sinh môi trường và xử lý rác thải đã được tập huấn tới các thành viên nhóm. Đối với công nhân và thợ cưa, đã được tập huấn về xử lý các chất thải lỏng như dầu thải cưa xăng, thiết bị vận xuất, nước xúc rửa bình phun thuốc trừ sâu... đảm bảo vệ sinh an toàn.

Ban quản lý nhóm phân công trách nhiệm để liên tục giám sát chất lượng nguồn nước tại các dòng suối lớn, vừa và nhỏ trên diện tích rừng trồng, rừng khai thác tại nhóm.

Bảo vệ đa dạng sinh học các loài động thực vật:

Rừng đóng vai trò quan trọng cho sự sinh trưởng và phát triển của các loài. Rừng được cấp chứng chỉ phải đảm bảo tiêu chí là duy trì và làm giàu các đai xanh vùng đệm, bảo vệ các dạng sinh cảnh dễ bị tổn thương, dành một phần diện tích nhất định để quản



lý, bảo vệ và phục hồi rừng. Kết quả của hoạt động này sẽ tạo ra các mảng rừng tự nhiên là môi trường sống cho các loài.

Trong nhóm CCR huyện Thanh Chương không có rừng tự nhiên. Rừng có giá trị cao cũng không hiện hữu trong diện tích rừng thuộc nhóm (Theo báo cáo HCVF)

Bảng 6. Chi phí giảm thiểu tác động môi trường

Hoạt động	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Chi phí (đ)
I. Hoạt động			51,000,000
- Tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền về bảo vệ môi trường	3,000,000	16	48,000,000
- Biển cảnh báo hành lang ven suối tại các điểm trọng yếu	200,000	15	3,000,000
II. Giám sát			68,000,000
- Chi Nhóm thôn	2,000,000	16 (Xóm/Đội)	32,000,000
- Chi Nhóm xã	2,000,000	3 (xã)	6,000,000
- Giám sát tuân thủ	15,000	2000 (ha)	30,000,000
TỔNG CỘNG			119,000,000

3.2.6. Kế hoạch giảm thiểu tác động xã hội.

Nhằm nâng cao năng lực cho thành viên nhóm, ban đại diện nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về:

- Tổ chức quản lý chất lượng lao động theo luật pháp Việt Nam và công ước ILO: các cá nhân, tổ nhóm sản xuất lâm nghiệp được tập huấn về an toàn lao động, cũng như được trang bị thiết bị bảo hộ lao động, sơ cấp cứu trong quá trình sản xuất.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương, Ban đại diện xã Thanh Hương, xã Thanh Thủy, xã Thanh Tùng, xã Thanh Hà, xã Thanh Mai, xã Thanh Lâm, BQL RPH Thanh Chương và các hộ dân là chủ rừng và hộ gia đình nhận khoán về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.

- Tổ chức các lớp tập huấn về giám sát cho các thành viên thuộc Ban đại diện xã Thanh Hương, xã Thanh Thủy, xã Thanh Hà, xã Thanh Tùng, xã Thanh Mai, xã Thanh



Lâm, BQL RPH, với mục đích nâng cao nhận thức, năng lực và hiệu quả hoạt động giám sát. Từ đó, có kế hoạch khắc phục (truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực, hỗ trợ kỹ thuật...) và giám sát hành động khắc phục cụ thể đối với từng địa bàn.

- Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC giữa các bên liên quan tại địa phương (UBND Huyện Thanh Chương, Hạt Kiểm lâm huyện Thanh Chương, Phòng NN&PTNT, UBND xã Thanh Hương, UBND xã Thanh Thủy, UBND xã Thanh Tùng, UBND xã Thanh Hà, UBND xã Thanh Mai, UBND xã Thanh Lâm, BQL RPH Thanh Chương...). Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm CCR huyện Thanh Chương.

Bảng 6: Chi phí giảm thiểu tác động xã hội

Hoạt động	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Chi phí (đ)
I. Hoạt động			59,000,000
- Tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền,	3,000,000	16 (Xóm/Đội)	48,000,000
- Túi sơ cứu thương	1,000,000	3 (túi)	3,000,000
- Bảo hộ Lao động (bộ)	8,000,000
II. Giám sát			68,000,000
- Chi Nhóm xóm/đội	2,000,000	16 (xóm/đội)	32,000,000
- Nhóm xã/BQL RPH	2,000,000	3 (xã/BQL RPH)	6,000,000
- Giám sát tuân thủ	15,000	2000 (ha)	30,000,000
TỔNG CỘNG			127,00,000

Ghi chú: Phí Giám sát 15,000 VND/ha

Tập huấn đào tạo những nội dung về an toàn lao động giúp chủ rừng nắm bắt những rủi ro trong các hoạt động lâm nghiệp và các biện pháp giảm thiểu phù hợp (*Xem thêm phần phụ lục 1*)

Khi thực hiện các hoạt động trên lô rừng, chủ rừng và công nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, không sử dụng lao động vị thành niên, lao động cưỡng bức, mức lương chi trả phải hợp lí... Tất cả những nội dung liên quan đến quyền lợi người lao động đều được đưa vào chương trình giám sát của nhóm.



3.2.7. Kế hoạch giảm thiểu tác động thiên tai tới cơ sở hạ tầng và tài nguyên

Khí hậu huyện Thanh Chương mùa hè có gió Tây Nam nóng nực và khô, mưa lại phải gánh chịu nhiều cơn bão. Vào mùa nắng nóng, các chủ rừng cần đặc biệt phòng chống cháy rừng. Mùa mưa bão kéo dài từ tháng 9 đến tháng 3 năm tiếp theo với nhiều cơn bão khiến rừng trồng keo lai có thể bị gió lớn làm gãy ngang thân, khiến các chủ rừng bị thiệt hại do gió bão và phải khai thác rừng khi cây chưa đạt tuổi khai thác thích hợp nhất.

Ngoài ra lượng mưa nhiều cũng gây xói mòn đường vận chuyển, nhiều tuyến đường không được bảo trì liên tục sẽ xuống cấp trầm trọng, tác động xấu tới môi trường đất và nước hai bên tuyến đường.

Kế hoạch giảm thiểu thiên tai cụ thể:

- Chủ rừng chủ động theo dõi tình trạng các đường vận xuất vận chuyển để có biện pháp tu bổ kịp thời, tránh để đường sạt lở nghiêm trọng.
- Cập nhật thông tin diễn biến của thiên tai thời tiết để có biện pháp phòng ngừa thiệt hại hợp lý tới cơ sở vật chất và con người.
- Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế háy lan và là đai chắn gió an toàn cho cây Keo.
- Tham gia các chương trình về thiên tai và biến đổi khí hậu được tài trợ tại địa phương.

3.2.8. Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị và ATLD

Do đa số hộ gia đình còn nghèo nên việc mua vật tư chỉ hạn chế ở mức thấp nhất và tập trung chủ yếu vào các vật tư thiết yếu. Một số khác như dao, cuốc do hộ dân tự lo kết hợp sản xuất nông nghiệp.

Bảng 7: Kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị

TT	Loại vật tư	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng cộng
1	Quần áo bảo hộ (bộ)	2	2	2	2	2	10
2	Cây Keo con (cây)	2.529.250	5.428.750	2.773.000	2.977.250	1.962.500	15.670.750
3	Phân bón (Kg)	252.925	542.875	277.300	297.725	196.250	1.567.075



Căn cứ vào diện tích trồng rừng qua từng năm, với mật độ trung bình là 2.500 cây/ha và mỗi gốc bón 0,1kg phân bón, thì nhu cầu về cây con và phân bón được thể hiện ở bảng 7. Đây là căn cứ để ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương phối hợp với các đơn vị tại địa phương nhằm đảm bảo nguồn đầu vào cho các lô rừng FSC của nhóm.

3.2.9. Kế hoạch tập huấn, tuyên truyền, vận động

Ban đại diện nhóm xác định nhu cầu đào tạo là khác nhau đối với những đối tượng khác nhau:

Đối với hộ dân chủ yếu là:

(i) Tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch và các tiêu chuẩn FSC, kết hợp kiểm tra, giám sát. (xem quy trình giám sát về thời gian, nội dung kiểm tra giám sát)

(ii) Các nội dung về an toàn lao động và môi trường: ví dụ: quản lý chất lượng lao động theo luật pháp Việt Nam và công ước ILO: an toàn lao động, sử dụng trang bị thiết bị bảo hộ lao động, sơ cấp cứu trong quá trình sản xuất.

Đối với cán bộ trong ban đại diện nhóm:

(i) Tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC

(ii) Kiến thức về thực hiện giám sát và các quy trình nhóm

(iii) Các quy định của Việt Nam và thế giới về quản lý rừng bền vững

Bảng 8. Các nội dung chương trình tập huấn hàng năm

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	TẦN SUẤT
1. Kỹ thuật lâm sinh	Kỹ thuật trồng rừng đa mục đích (gỗ lớn, bé) Kỹ thuật chuyển đổi sang trồng rừng gỗ lớn	Các hộ gia đình thành viên nhóm Những hộ gia đình có nhu cầu kéo dài chu kỳ rừng để trồng rừng mục đích sản xuất gỗ xẻ	1-3 lớp cho mỗi phân nhóm
2. Giám sát	Quy trình giám sát của nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương Kỹ thuật giám sát và ghi chép dữ liệu cho các trường xóm Các kỹ năng quản lý nhóm và theo dõi hoạt động	Các trường xóm (hoặc người thực hiện giám sát) Ban đại diện các phân nhóm, ban đại diện nhóm	Hàng năm
3. Tiêu	Cập nhật nguyên tắc và tiêu chí QLRBV, bộ tiêu chuẩn FSC	Thành viên nhóm	1-3 lớp cho mỗi phân



chuẩn QLRBV		Các thành viên mới gia nhập	nhóm
4. An toàn lao động và vệ sinh môi trường	An toàn lao động và vệ sinh môi trường trong QLRBV Xử lý thực bì và bảo vệ môi trường trong trồng rừng chứng chỉ	Các thành viên dự kiến có hoạt động khai thác, trồng mới	Trước thời điểm khai thác/trồng mới diễn ra
5. Kỹ thuật khai thác	Khai thác tác động thấp	Các nhà thầu: thợ cưa và công nhân Các thành viên dự kiến khai thác	1-3 lớp cho mỗi phân nhóm
6. An toàn	An toàn sơ cấp cứu và bảo hộ lao động	Thành viên nhóm Các thành viên dự kiến có hoạt động khai thác, trồng mới	1-3 lớp cho mỗi phân nhóm
6. Mua bán gỗ FSC	Yêu cầu về giám sát khai thác và hồ sơ buôn bán gỗ có chứng chỉ Quy trình sử dụng nhãn mác FSC	Các hộ thành viên có kế hoạch khai thác bán gỗ Các nhà thầu thu mua gỗ	1-3 lớp cho mỗi phân nhóm

3.2.10. Điều chỉnh, cập nhật Phương án QLRBV:

Phương án QLRBV này có thể cần được điều chỉnh khi có sự thay đổi về chính sách, quy định của Nhà nước, của các Công ước quốc tế có liên quan, cơ cấu, tổ chức Nhóm hộ thay đổi, rủi ro do thiên tai và căn cứ vào kết quả giám sát các hoạt động quản lý rừng của nhóm.

Phương án được cập nhật hàng năm căn cứ vào kết quả giám sát và các thay đổi về chính sách ở Trung ương/Tỉnh/Huyện.

3.2.11. Dự kiến hiệu quả trồng rừng Keo

Qua phỏng vấn cán bộ xã, hiện nay, cơ cấu thu nhập từ các ngành nghề của người dân chủ yếu bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp và thu nhập khác. Trong đó, thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp đóng góp tỉ lệ lớn (chiếm khoảng 60%) cơ cấu thu nhập của người dân. Điều này cho thấy thu nhập từ rừng đóng vai trò rất lớn trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

Kết quả điều tra phỏng vấn về tình hình thu nhập của các hộ dân tham gia CCR FSC ở xã Thanh Thủy (Cụ thể là bác Nguyễn Sỹ Bình – Giám đốc HTX Thanh Thủy, diện tích rừng 60 hecta) như sau:

- Chi phí trồng 1 ha Keo lai với mật độ 2.500 cây/ha, cây cách cây 2m, hàng cách hàng 2m.

**Bảng 9. Chi phí trồng 1ha keo lai chu kỳ 5 năm**

ĐVT: đồng/ha

TT	Tuổi rừng	Năm 1	Năm 2	Năm 3-4	Tổng cộng
	Biện pháp kỹ thuật				
1	Xử lý thực bì trước trồng rừng (10 công x 250.000 đồng/công)	2.500.000			2.500.000
2	Cây giống và vận chuyển (1.000 đồng/1 cây)	2.500.000			2.500.000
3	Phân bón NPK (2 tạ)	1.600.000			1.600.000
4	Cuốc hố, bón phân trồng và dặm	3.250.000			3.250.000
5	Phát cỏ chăm sóc (năm 1 phát 2 lần)	2.000.000 + 1.200.000			5.400.000
	Năm 2 phát 1 lần		1.200.000		
	Năm 3-4 phát 1 lần			1.000.000	
	Tổng cộng chi phí	13.050.000	1.200.000	1.000.000	15.250.000

(Nguồn: phỏng vấn hộ trồng rừng)

- Phân tích lợi nhuận của trồng rừng Keo lai:

Qua phỏng vấn hộ trồng rừng, các chỉ tiêu kinh tế cơ bản về chi phí và lợi nhuận của trồng rừng keo lai cho chu kỳ sản xuất 5 – 6 năm của 1 ha được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 10: Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản của việc trồng rừng Keo lai chu kỳ 5 năm

ĐVT: đồng/ha

Chỉ tiêu kinh tế	Bán tại rừng
Chi phí đầu tư	15.250.000
Bán rừng	70.000.000
Thu nhập thuần	54.750.000

(Nguồn: Phỏng vấn hộ trồng rừng)



Từ biểu trên cho thấy, thu nhập cuối kỳ cho 1 ha rừng trồng keo lai chu kỳ 5 năm là vào khoảng gần 60 triệu/ha. Để nâng cao thu nhập, chủ rừng cần có biện pháp lâm sinh phù hợp để nâng cao năng suất, cũng như giá trị gỗ bán ra.



PHẦN 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Phân công trách nhiệm

Nhiệm vụ của nhóm được phân rõ theo các cấp.

(Xem chi tiết Sổ tay quản lý nhóm, phần Quyền hạn và trách nhiệm)

4.2. Kế hoạch kiểm tra, giám sát.

Nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra, Ban quản lý nhóm đặt ra yêu cầu phải thực hiện giám sát thường xuyên các hoạt động diễn ra trong nhóm hộ CCR huyện Thanh Chương.

Nội dung và cách thức thực hiện giám sát được quy định trong phần Quy trình giám sát nội bộ của Sổ tay quản lý nhóm

Bảng 11. Kế hoạch giám sát hàng năm

TT	Nội dung thực hiện giám sát	Thời điểm giám sát (tháng trong năm)												Người phụ trách	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Trồng rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công
2	Chăm sóc rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công
3	Tỉa thưa rừng	x	x	x	x	x	x	x					x	BĐD phân công	
4	Khai thác	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công	
5	Đại xanh vùng đệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công	
6	Quản lý bảo vệ rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công	
7	Khai thác	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công	
8	Bảo dưỡng, làm mới đường lâm nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	BĐD phân công	
9	Tác động môi trường													BĐD phân công 1 lần/năm	
10	Tác động xã hội													BĐD phân công 1 lần/năm	
11	Khắc phục lỗi													BĐD phân công 1 lần/quý	



4.2.1 Đối với hộ dân

- Có trách nhiệm đối với lô rừng đã đăng ký vào nhóm FSC. Hộ gia đình cần thực hiện quản lý lô rừng theo đúng cam kết với ban đại diện khi tham gia vào nhóm CCR huyện Thanh Chương

- Hộ gia đình báo cáo lên ban quản lý nhóm nếu có sự cố, hoặc hoạt động phát sinh ngoài ý muốn xảy ra trên lô rừng.

- Hộ gia đình phối hợp với ban quản lý để thực hiện giám sát lô rừng.

4.2.2. Đối với trưởng xóm

- Là cầu nối giữa ban đại diện nhóm và các thành viên chủ rừng. Trưởng xóm có trách nhiệm truyền đạt thông tin giữa ban đại diện nhóm tới chủ rừng,

- Trưởng xóm thực hiện giám sát theo phân công của ban đại diện, sử dụng các mẫu biểu giám sát thích hợp theo đúng quy trình của nhóm

- Trưởng xóm ghi nhận thông tin và báo lên ban đại diện nhóm nếu có sự cố/ hoặc tranh chấp xảy ra trong các lô rừng của xóm/thôn mình quản lý

4.2.3. Đối với ban đại diện nhóm

- Xây dựng kế hoạch giám sát và phân công trách nhiệm

- Kiểm tra thực hiện giám sát theo kế hoạch đã được xây dựng

- Tổng hợp báo cáo giám sát định kỳ và công khai kết quả giám sát

- Lưu trữ tài liệu giám sát.



PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Phương án QLRBV của nhóm CCR huyện Thanh Chương được xây dựng theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn QLBRV của Việt Nam cũng như các quy định của FSC, giúp BDD nhóm CCR huyện Thanh Chương tăng cường hệ thống quản lý và giám sát thực hiện trong công tác lâm nghiệp; Tạo mối cân bằng giữa lợi ích kinh tế của các Thành viên với các lợi ích về xã hội của người lao động, cộng đồng và các lợi ích về môi trường; Góp phần cải thiện thu nhập cho người dân địa phương; Góp phần giảm áp lực lên rừng tự nhiên, giữ gìn cảnh quan trong vùng, bảo vệ nguồn nước, giữ gìn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái;

PA QLRBV là cơ sở để tiến hành công tác quản lý và kinh doanh rừng được hoàn thiện hơn, tạo mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường.

5.2. Khuyến nghị

Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức QLRBV cho người dân; Tuyên truyền vận động chủ rừng tham gia vào chứng chỉ rừng FSC để đạt được lợi ích cả về kinh tế và môi trường- xã hội.

Thúc đẩy kết nối thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm gỗ dăm, đây là loại gỗ vẫn bán theo giá không FSC mặc dù đã hoàn thiện tham gia chứng chỉ FSC;

Cung cấp những thông tin tới người dân về các loại giống hiệu quả, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng cao và an toàn với môi trường; Kết nối với các đơn vị cung cấp cây giống chất lượng cao.

Cần tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; Tích cực tìm hiểu, thăm quan học tập các mô hình tiên tiến đem lại hiệu quả kinh tế cao ở các địa phương khác;

Cần thiết giảm bỏ bớt các thủ tục phức tạp để người dân tham gia FSC thuận tiện và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc.

Đề nghị UBND huyện Thanh Chương phê duyệt Kế hoạch để Nhóm HGD Chứng chỉ rừng huyện có đủ cơ sở pháp lý thực hiện.

Trong quá trình thực hiện mong được sự giúp đỡ của UBND tỉnh, huyện, các ban ngành có liên quan và đặc biệt là sự giúp đỡ của Trung tâm lâm sản ngoài gỗ để Nhóm thực hiện quản lý rừng theo tiêu chuẩn FSC và sớm được cấp chứng chỉ rừng.

Thanh Chương, ngày 20 tháng 07 năm 2022

**Ban đại diện nhóm hộ CCR
huyện Thanh Chương
Đại diện**

